

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 26-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tô Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sở.

2. Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà H. T. Y. O; sinh năm 1983.

*Bị đơn:* Ông Tr. C. H; sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: số 92/8 Đường M, Phường D, thành phố T, tỉnh L.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà H. T. Y. O trình bày:*

Bà và Ông Tr. C. H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H.T, thành phố M, tỉnh M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyển số 01/2013 ngày 13/4/2011. Từ đầu năm 2021, vợ chồng bắt đầu

xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau ngày càng nhiều nguyên nhân do ông H không chăm lo cho vợ con, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã cố gắng cho ông H rất nhiều cơ hội nhưng ông H không hề sửa đổi và hiện nay ông H đã sống chung với người phụ nữ đó. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay bà thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Về con chung: có 02 con chung tên Tr. H. Tr, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Tr. H. T. K, sinh ngày 24/9/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung chưa thành niên Tr. H. Tr, Tr. H. T. K, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ đối với mỗi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H. T. Y. O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Tr. C. H đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông H không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà O. Phiên tòa hôm nay, ông H cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tr. C. H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà H. T. Y. O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà O và ông H là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Bà H. T. Y. O và Ông Tr. C. H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà O và ông H có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà O có yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ đối với mỗi con chung. Theo kết quả xác minh của công an Phường 4, thành phố T, tỉnh L thì hiện ông H vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ thường trú. Như vậy cho thấy ông H vẫn biết việc ly hôn với bà O nhưng không có thiện chí hòa giải, hàn gắn cũng như không có ý định về chung sống với bà O. Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà O là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O, giao con chung tên chưa thành niên Tr. H. Tr, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Tr. H. T. K, sinh ngày 24/9/2014 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông H có nghĩa vụ cấp

đường nuôi con đến khi con chung đủ 18 tuổi, mức đường nuôi con do Tòa án quyết định. Bà O phải chịu án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H. T. Y. O nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Ông Tr. C. H có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông H đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các được sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà H. T. Y. O và Ông Tr. C. H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh M nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của bà O và ông H tại UBND Phường D, thành phố T, tỉnh L nơi bà O và ông H sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà H. T. Y. O và Ông Tr. C. H. Bà O xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông H không chăm lo cho vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà O và ông H không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, được tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông H đã biết được việc bà O yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà O và ông H đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà O và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bản thân bà O xác định đã không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà O là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà O và ông H có 02 con chung tên Tr. H. Tr, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Tr. H. T. K, sinh ngày 24/9/2014. Bà O có yêu cầu được

trực tiếp nuôi 02 con chung khi ly hôn. Xét thấy, con chung đang sống chung với bà O, trong quá trình giải quyết vụ án ông H không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ đối với mỗi con chung, xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà O là hợp lý, phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, ông H không có văn bản trình bày ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con, ông H là người có việc làm có thu nhập nên yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà O là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 110, Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà H. T. Y. O và Ông Tr. C. H.

[2] Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Tr. H. Tr, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Tr. H. T. K, sinh ngày 24/9/2014 cho Bà H. T. Y. O trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Tr. C. H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng đối với mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành

án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Bà H. T. Y. O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai thu số 0001115 ngày 16/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Ông Tr. C. H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. Tân An;
- Chi cục THA TP. Tân An;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Tố Loan**



**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Lê Thị Tố Loan**